

DIỄN ĐẠT ẪN DỤ VỀ CƠN GIẬN TRONG TIẾNG ANH TỪ GÓC NHÌN TRI NHẬN METAPHORICAL EXPRESSIONS OF ANGER IN ENGLISH FROM THE COGNITIVE VIEW

Huỳnh Ngọc Mai Kha*

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng¹

*Tác giả liên hệ: hnmkha@ufl.udn.vn

(Nhận bài: 20/7/2021; Chấp nhận đăng: 20/9/2021)

Tóm tắt - Bài báo nghiên cứu khai thác lĩnh vực chuyển nghĩa của từ bằng ẩn dụ ý niệm qua những diễn đạt cơn giận trong Tiếng Anh. Bài báo thu thập các dữ liệu tại BNC (British National Corpus) và các trang thông tin điện tử chính thống khác có chứa các diễn đạt về cơn giận của con người, sử dụng thủ pháp thống kê và phương pháp miêu tả nhằm phân tích các đặc trưng ngữ nghĩa và mô hình tri nhận của ẩn dụ ý niệm (lí thuyết của Lakoff & Johnson) về cơn giận trong diễn đạt Tiếng Anh. Từ 150 mẫu được lựa chọn qua phương pháp nhận diện ẩn dụ, bài báo phân tích các cấu trúc ánh xạ miền nguồn và đích nhằm liệt kê hệ thống các thuộc tính đặc trưng của các ý niệm khác nhau được sử dụng trong diễn đạt ý niệm về cơn giận. Kết quả của bài báo, góp thêm một phân nhỏ vào nhận diện phương thức tư duy và tri nhận về cơn giận trong tiếng Anh, đồng thời giúp ích cho người học và dạy tiếng Anh, đặc biệt là môn biên phiên dịch.

Từ khóa - Ẩn dụ tri nhận; sự giận dữ; tiếng Anh; biên phiên dịch; học ngoại ngữ

1. Đặt vấn đề

Ẩn dụ là đối tượng thu hút sự chú ý đặc biệt trong văn chương và ngôn ngữ học. Việc nghiên cứu về ẩn dụ tri nhận theo những góc nhìn mới là một trong những đề tài đang được quan tâm nhiều bởi các nhà nghiên cứu ngôn ngữ. Theo Nguyễn Đức Tôn [1], ở Việt Nam cho đến nay chưa có công trình nào khảo sát và đánh giá hết được tầm quan trọng của ẩn dụ đối với tư duy và việc sử dụng ngôn ngữ hằng ngày, nhất là vai trò của ẩn dụ như một công cụ tri nhận để ý niệm hóa các phạm trù trừu tượng trong nhận thức. Aristote là người đầu tiên thể hiện được hình dáng của ẩn dụ qua quan điểm của ông, người xem ẩn dụ là công cụ trang trí cho ngôn ngữ nghệ thuật và lập luận rằng đó là hình thức chuyển tên gọi từ loài này sang loài khác dựa trên nguyên tắc tương tự. Aristote đã phát triển quan điểm của mình về ẩn dụ ở hai cách nhìn nhận. Đó là quan điểm thay thế (Substitution view) và quan điểm so sánh trong hai công trình “Rhetoric” (Thuật hùng biện) và “Poetics” (Thi ca) [2]. Luận điểm chính của lí thuyết tri nhận ẩn dụ “đó là một trong những hình thức ý niệm hóa, một quá trình nhận thức có chức năng biểu hiện và hình thành những ý niệm mới và không có nó thì không thể nhận được tri thức mới. Về bản chất, ẩn dụ tri nhận đáp ứng năng lực của con người nắm bắt và tạo ra sự giống nhau giữa những cá thể và những lớp đối tượng khác nhau”. Ẩn dụ thường không có quan hệ với những đối tượng cô lập riêng lẻ, mà với những không gian tư duy phức hợp, những miền kinh nghiệm cảm tính của xã hội. Các phạm trù tình cảm thường được thể hiện trong ngôn ngữ bằng nhiều hình thức phong phú và đa

Abstract - The article aims to investigate the meaning transfer via conceptual metaphor of English expressions about ANGER. The research made a data collection from the British National Corpus and other official websites containing expressions about human anger, applied statistical technique and descriptive research method in order to made analysis on semantic features and cognitive model of conceptual metaphor (Lakoff & Johnson) of ANGER in English expressions. Under the illumination of CMI method (Conceptual Metaphor Identification), 150 chosen samples have been analysed for the identification of mapping structures between target and source domains, then for the presentation of typical characteristic systems of different concepts to be used in expressing ANGER in English. Finally, the research has made additional contribution in the realization of cognition and thinking about human anger in English, proposed useful references for English teachers and learners, especially for translation and interpretation also.

Key words - Conceptual metaphor; anger; English language; translation and interpretation; learning foreign languages

dạng. Việc tìm hiểu cách thức các phạm trù này được tư duy và hệ thống hóa từ lí thuyết ẩn dụ tri nhận là điều có ý nghĩa, góp phần vào những đóng góp trong nghiên cứu ngôn ngữ và các vấn đề liên quan. Bài báo này nghiên cứu về phạm trù SỰ GIẬN DỮ được ý niệm hóa trong tiếng Anh như thế nào, từ góc nhìn ẩn dụ tri nhận, qua đó đóng góp hỗ trợ cho người dạy và học tiếng Anh.

2. Kết quả nghiên cứu và khảo sát

2.1. Cơ sở lí thuyết, phạm vi và đối tượng nghiên cứu

2.1.1. Cơ sở lí thuyết

Kế thừa các tư tưởng của Aristote, Richards, Black với các quan điểm so sánh, thay thế và tương tác, Lakoff và đã khai sinh một kỷ nguyên mới của ẩn dụ tri nhận, thu hút được sự quan tâm của đông đảo các nhà nghiên cứu trên thế giới bằng sự ra đời hàng loạt các tác phẩm đặt nền móng lí thuyết cho ẩn dụ tri nhận hiện nay. Đó là các tác phẩm “Metaphors We Live By” [3] (Chúng ta sống bằng phép ẩn dụ); “Philosophy in the Flesh – The Embodied Mind and its Challenge to Western Thought” [4] (Trải nghiệm triết học – tư duy nghiệm thân và thách thức đối với tư tưởng phương Tây) và “Women, Fire and Dangerous Things” [5] (Đàn bà, lửa và những thứ nguy hiểm).

Lakoff và Johnson đã phân tích rõ ràng và hệ thống khái niệm ẩn dụ tồn tại trong tư duy chúng ta và chỉ ra quá trình tư duy con người ở cấp độ cao chính là ẩn dụ. Bản chất của ẩn dụ là dùng một loại sự vật để lí giải và chiêm nghiệm một loại sự vật khác. Ví dụ, trong tiếng Anh, TIME IS

¹ The University of Danang - University of Foreign Language Studies (Huỳnh Ngọc Mai Kha)

MONEY, khái niệm thời gian được đặt vào hệ thống khái niệm của tiền bạc mà lí giải để từ đó có được một loạt các cách biểu đạt:

- Time is money (Thời gian là tiền);
- I've invested a lot of time on her (Tôi đầu tư nhiều thời gian cho người yêu);
- How do you spend your time these days? (Dạo này bạn tiêu xài thời gian của mình như thế nào?).

Mô hình ẩn dụ là một trong bốn mô hình của mô hình tri nhận: Theo G. Lakoff [5], mô hình ẩn dụ được dùng để ý niệm hóa, lý giải và suy luận về các sự vật trừu tượng. Do đó, ẩn dụ biểu đạt một ý niệm này bằng một ý niệm khác, vì vậy giữa hai ý niệm đó cần có một mối liên hệ tương hỗ. Loại quan hệ này là sự liên tưởng về sự vật khách quan trong lĩnh vực tri nhận của con người.

Trường phái của G. Lakoff cho rằng, ẩn dụ không phải chỉ tồn tại trong ngôn ngữ mà trước hết là tồn tại trong tư duy, tồn tại trong quan niệm của chúng ta, tồn tại trong lời nói và việc làm của chúng ta để rồi nó thấm thấu vào cuộc sống. Trước hết, chúng ta dùng quan niệm được ẩn dụ hoá để tư duy, rồi dùng từ ngữ được ẩn dụ hoá để biểu đạt. Cách tư duy ẩn dụ sẽ kéo theo cách biểu đạt ẩn dụ.

Tiếp thu những tư tưởng của Lakoff và Johnson, Trần Văn Cơ [6] định nghĩa ẩn dụ tri nhận là một trong những hình thức ý niệm hóa, một quá trình tri nhận có chức năng biểu hiện, hình thành những ý niệm mới và không có nó thì không thể nhận được tri thức mới. Về nguồn gốc, ẩn dụ tri nhận đáp ứng năng lực của con người nắm bắt và tạo ra sự giống nhau giữa những cá thể và những lớp đối tượng khác nhau. Ẩn dụ là một cơ chế tri nhận nhờ đó những tri giác liên tục, tương tự đã trải qua quá trình phạm trù hóa được đánh giá lại trong những bối cảnh ý niệm mới.

Với cách tiếp cận chung nhất, ẩn dụ được xem như là cách nhìn một đối tượng này thông qua một đối tượng khác. Ẩn dụ là một trong những phương thức biểu tượng tri thức dưới dạng ngôn ngữ. Ẩn dụ không có quan hệ với các đối tượng riêng lẻ mà với những không gian tư duy phức tạp. Trong quá trình nhận thức, những không gian tư duy không thể quan sát trực tiếp này thông qua ẩn dụ xác lập mối tương quan với những không gian tư duy đơn giản hơn hoặc với những không gian tư duy có thể quan sát được cụ thể [6].

Lakoff và Johnson [3] phân chia ẩn dụ thành bốn loại hình: Ẩn dụ cấu trúc (structural metaphors), ẩn dụ định hướng (orientational metaphors), ẩn dụ bản thể (ontological metaphors) và ẩn dụ dung thể (conduit metaphors).

a. Ẩn dụ cấu trúc (structural metaphors)

Ẩn dụ cấu trúc là loại ẩn dụ khi nghĩa của một từ này được hiểu thông qua cấu trúc của một từ khác. Kiểu ẩn dụ này thường sử dụng kết quả của quá trình biểu trưng hóa và của sự liên tưởng.

Ẩn dụ cấu trúc là thông qua một khái niệm khác. Nhận thức về hai khái niệm tất nhiên là không đồng nhất, nhưng cấu trúc của chúng, tức mỗi bộ phận cấu thành tồn tại trong mối quan hệ theo quy luật đối ứng.

Khái niệm HOẠT ĐỘNG KINH TẾ được cấu trúc hóa sang khái niệm CHIẾN TRANH bằng ẩn dụ cấu trúc thông

qua việc phóng chiếu thuộc tính về CHIẾN TRANH được sử dụng trong diễn đạt về HOẠT ĐỘNG KINH TẾ. 02 trong nhiều thuộc tính đó là TẤN CÔNG (ATTACK) và BẢO VỆ (DEFENSE):

- As a result of the crisis, the Asians will **strike back**; they will launch an export offensive. (*Wall Street Journal*, June 22, 1998, 4)

b. Ẩn dụ định hướng (orientational metaphors)

Một dạng khác của ẩn dụ tri nhận là ẩn dụ định hướng. Ẩn dụ định hướng là ẩn dụ phỏng theo định hướng không gian. Nó không dùng một khái niệm này để tạo nên một khái niệm khác, mà được cấu thành từ các loại không gian phương vị trong nội bộ một hệ thống khái niệm bằng cách đối chiếu trên dưới, trong ngoài, trước sau, nông sâu, trung tâm, biên ngoài,... Nguồn gốc sau xa của định hướng không gian là tương tác giữa con người và tự nhiên.

Ẩn dụ định hướng tổ chức cả một hệ thống ý niệm này với một hệ thống ý niệm khác có liên quan đến việc định hướng trong không gian (TRÊN – DƯỚI, TRONG – NGOÀI, TRƯỚC – SAU, TRÊN – TỪ TRÊN MẶT, SÂU – CAN, TRUNG TÂM - NGOÀI VI). Những loại quan hệ không gian như thế này xuất phát từ sự liên tưởng về mặt không gian của con người đối với các ý niệm trong thế giới con người. Ví dụ, người Anh thường có sự liên tưởng “hạnh phúc” với định hướng đi lên (I am feeling up to day) và “nỗi buồn” với định hướng xuống dưới (I am feeling down to day).

c. Ẩn dụ bản thể (ontological metaphors)

Ẩn dụ bản thể và quá trình “vật thể hóa” những bản thể trừu tượng, để từ đó chúng ta có thể cụ thể hóa nó, phân loại, đánh giá chất lượng nó... Nói cách khác, đó là cách giải thích cách sự kiện, khái niệm trừu tượng bằng cách xem chúng như những vật chất, chất liệu. Loại ẩn dụ này hình thành do kinh nghiệm tri giác tạo nên.

Ví dụ:

- Một hiện tượng như giá cả có thể được tri giác như một vật thể nên có thể: nâng giá, hạ giá, định giá, khảo giá...

- Chúng ta có thể coi lạm phát là một thực thể, do đó, trong cuộc sống hàng ngày chúng ta có thể nói “Lạm phát làm giảm chất lượng cuộc sống của chúng ta”, “Lạm phát đẩy chúng ta vào cuộc sống khó khăn”.

d. Ẩn dụ dung thể (conduit metaphor)

Đây là loại ẩn dụ gán các ý niệm như một vật chứa. Vật chứa này có khả năng định hướng kiểu trong ngoài. Chúng ta khảo sát chúng như những vật chất có không gian bên trong và tách biệt khỏi thế giới bên ngoài.

Ví dụ con người là một vật chứa toàn bộ nội tại nằm bên trong nó bao gồm cả thế giới vật lí - sinh lí và trí tuệ:

“Try to pack your thought into fewer words” [7]

“Hồn tôi là một vườn hoa lá

Rất đậm hương và rộn tiếng chim” [8]

Mỗi bộ phận trong con người cũng là vật chứa. Ví dụ: cái đầu là vật chứa bộ não, cơ quan điều khiển cao nhất mọi hoạt động của con người (Anh là cái đầu của công ty: Người điều hành toàn bộ hoạt động của công ty)...

2.1.2. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu

Bài báo tiến hành nghiên cứu trên kho dữ liệu British National Corpus và các trang thông tin điện tử chính thống, thu thập các diễn đạt bằng tiếng Anh về cơn giận. Với 150 mẫu được lựa chọn dựa trên phương pháp nhận diện ẩn dụ, bài báo sử dụng phương pháp miêu tả nhằm phân tích các cấu trúc ngữ nghĩa, nhận diện cấu trúc ánh xạ miền nguồn và miền đích nhờ vào phóng chiếu các hệ thống thuộc tính của miền này được áp dụng diễn đạt vào ý niệm CŌN GIẬN. Bài báo chủ yếu tập trung nghiên cứu nhận diện thông qua ẩn dụ cấu trúc, không tập trung phân tích 3 loại ẩn dụ dung chuyển, ẩn dụ định hướng và ẩn dụ bản thể.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Ẩn dụ cấu trúc: GIẬN DỮ LÀ ĐỘNG VẬT (NGUY HIỂM)

Cấu trúc ẩn dụ GIẬN DỮ LÀ ĐỘNG VẬT NGUY HIỂM được cấu trúc từ các phóng chiếu từ các đặc tính, tính chất, trạng thái, diện mạo và hành động của động vật. Các phóng chiếu này được hình thành là nhờ vào sự tương đồng giữa các đặc tính, tính chất, hoạt động của động vật với các tiêu đặc tính của phạm trù SỰ GIẬN DỮ.

Theo G. Lakoff [5], các mối tương liên giữa hai phạm trù nguồn và đích này được thể hiện như sau:

Bảng 1. Các mối tương liên giữa hai phạm trù nguồn là ĐỘNG VẬT và đích là SỰ GIẬN DỮ

SOURCE: DANGEROUS ANIMAL	TARGET: ANGER
The dangerous animal	Anger
The animal's getting loose	Loss of control of anger
The owner of the dangerous animal	The angry person
The sleeping animal	Anger near the zero level
Being awake for the animal	Anger near the limit

Một trong những động vật tiêu biểu được sử dụng phổ biến làm miền nguồn cho sự ánh xạ của phép ẩn dụ về sự giận dữ đó là HORSE (CON NGỰA). Sự ánh xạ này xuất phát từ nguồn gốc con ngựa sẽ trở nên rất nguy hiểm nếu không được ghi cương, cũng giống như cơn giận không được kiểm chế sẽ trở nên rất nguy hiểm. Dù chúng ta thích ngựa đến đâu chẳng nữa thì một con ngựa bất kham cũng sẽ gây tổn hại đến chủ của nó hoặc những người và môi trường xung quanh. Tương tự, một cơn giận không được kiểm soát sẽ ảnh hưởng đến chính người đó và những người xung quanh. Ngoài ra, sự tương đồng giữa hai phạm trù này còn thể hiện ở bản chất của con ngựa rất mạnh mẽ, đầy năng lượng và có phản ứng mạnh. Vì những lí do này mà phạm trù CON NGỰA được ánh xạ lên trạng thái tình cảm như SỰ GIẬN DỮ.

Ví dụ:

- His common sense is a bridle to his quick temper (ODET).

- I usually manage to curb my anger when I'm at home, but at work I often don't succeed (BNC).

- However, it will pay you to curb your famous temper (BNC).

3.2. Ẩn dụ cấu trúc: GIẬN DỮ LÀ CHẤT LỎNG NÓNG TRONG BÌNH CHỨA

Ẩn dụ vật chứa là hình thức ẩn dụ được bắt nguồn từ

mô hình vật chứa hình ảnh. Mô hình này bao gồm ba yếu tố chính là không gian bên trong, bên ngoài và đường biên. Mô hình này được cấu trúc bằng cách hiểu sử dụng bộ phận cho cái toàn thể. Mô hình này sẽ không hoàn thiện nếu thiếu một trong ba nhân tố trên. Sẽ không có không gian bên trong nếu không có không gian bên ngoài, sẽ không có không gian bên ngoài nếu không có không gian bên trong. Và sẽ không có cả không gian bên trong và ngoài nếu không có đường biên.

Từ mô hình này mà chúng ta có cấu trúc ẩn dụ “CŌ THỂ NGƯỜI LÀ VẬT CHỨA CHO CẢM XÚC”. Ở đó, khi cảm xúc quá nhiều sẽ dâng trào (overflow), hoặc đổ đi (get rid of) (He is overflowed with anger, He is brimming with pride, She could not contain her glee).

Từ đó, ta có thể khám phá có cơ sở và nhận diện ra cấu trúc ẩn dụ GIẬN DỮ LÀ CHẤT LỎNG NÓNG TRONG BÌNH CHỨA.

- You make my **blood boil**. (Sarah Begley, August 28, 2015, <https://time.com/4014702/ricky-martin-donald-trump/>)

- Charlie **blew a fuse** yesterday then he discovered that his Ipod had been stolen (Ahmed Abouleel, *English Idioms*, lulu.com, 2014).

- He **got a lot of flak** for the way he handled the situation (Ahmed Abouleel, *English Idioms*, lulu.com, 2014).

- You might wonder what's got Vikings fans all **up in arms** about the new stadium (BNC).

- Romney ignored it. I was screaming! And Obama nearly **burst a blood vessel!** He wanted it! (BNC).

- Be careful how you explain the situation. The boss has a **short fuse** these days! (<https://www.learn-english-today.com/idioms/idiom-categories/anger/annoyance/anger-annoyance4-more-tear.html>).

Đối với cấu trúc ẩn dụ GIẬN DỮ LÀ CHẤT LỎNG NÓNG TRONG BÌNH CHỨA, chúng ta cũng nhìn thấy các tính chất của ẩn dụ vật chứa nằm trong cấu trúc ẩn dụ này. Ở đó bao gồm hai yếu tố khác nhau của cảm xúc là yếu tố căng thẳng về cường độ và yếu tố kiểm soát cảm xúc. Có mối liên hệ tương hỗ giữa độ căng của cảm xúc và lượng chất lỏng lưu trữ trong vật chứa. Khi độ căng của cảm xúc càng lên cao thì mức độ chất lỏng trong bình chức càng tăng. Khi có quá nhiều chất lỏng trong bình chứa và áp lực bên trong quá cao, chất lỏng sẽ tràn ra khỏi bình chứa hoặc bình chứa sẽ nổ. Sự nổ của bình chứa cũng tương tự sự bùng nổ cảm xúc, ở đây là sự giận dữ: He exploded with rage. Tương tự, khi số chất lỏng trong bình chứa quá nhiều thì bình chứa tràn, hoặc bình chứa sẽ không thể giữ nổi lượng chất lỏng trong bình: He was **overflowing** with fear, I don't have a **drop of fear** in me.

3.3. Ẩn dụ cấu trúc: SỰ GIẬN DỮ LÀ ĐỨA TRẺ

Quá trình nuôi dưỡng một đứa bé là một trải nghiệm căn bản đầy quyền năng của con người. Những ví dụ về ẩn dụ tri nhận SỰ GIẬN DỮ LÀ ĐỨA TRẺ DƯỚI ĐÂY được cấu trúc và hình thành từ những trải nghiệm của con người về quá trình nuôi dưỡng này. Trong quá trình đó, ta ánh xạ những nét tương đồng của phạm trù đứa trẻ với phạm trù cảm xúc.

... those who are worthy to have and to wear the dignity

of this name, neither conceive anger nor **indulge a grudge**.

(<http://www.ccel.org/ccel/schaff/anf06.xii.iii.i.xxiii.html>)

- Say, shall we **nurse the rage**...? (OED).

- Instead, he decided to **nurse his anger** (BNC).

- He **nurtured that anger** for a decade.

(doi:10.1007/s12129-006-1040-6)

- **Fostering anger** over a long enough time can lead to violence

(<http://www.awesomelibrary.org/Counter-Terrorism.html>).

Phương thức tư duy của cấu trúc SỰ GIẬN DỮ LÀ ĐỨA TRẺ được dựa trên một hệ thống những điểm tương đồng giữa đứa trẻ và sự giận dữ như sau:

NGUỒN: ĐỨA TRẺ	ĐÍCH: SỰ GIẬN DỮ
Đứa trẻ	Sự giận dữ
Bố mẹ	Con nguồn của giận dữ
Có đứa trẻ trong cơ thể	Sự tại ra giận dữ trong trí óc
Sinh đứa trẻ	Giận dữ tăng cao
Nuôi nấng	Duy trì sự giận dữ

Rõ ràng là ẩn dụ SỰ GIẬN DỮ LÀ ĐỨA TRẺ miêu tả sự giận dữ trong hình hài đứa trẻ và một người giận dữ trong hình ảnh của bố mẹ đứa trẻ. Bằng cách này. Ngoài ra, con nguồn của sự giận dữ cũng được ý niệm hóa từ phạm trù bố mẹ. Trong xã hội, bố mẹ chịu trách nhiệm với con cái cũng giống như chúng ta phải chịu trách nhiệm với sự giận dữ và cảm xúc do mình tạo ra. Đứa trẻ sẽ không sót nếu không có sự chở che và nuôi nấng của ba mẹ. Tương tự, sự giận dữ sẽ không tồn tại nếu ta không tạo ra và duy trì nó.

3.4. Ẩn dụ cấu trúc: SỰ GIẬN DỮ LÀ CÁI CÂY (THỰC VẬT)

Một phạm trù nữa mà ta có thể nhận thấy được ý niệm hóa trong tiếng Anh qua cấu trúc ẩn dụ tri nhận là cái cây. Sự tương đồng ở đây được nhìn thấy ở cách ta trồng cây, cách cây cho ta bóng mát, thức ăn, thuốc, áo quần, gỗ... cũng giống như cách ta tạo ra con giận, nuôi dưỡng nó, những kết quả mà nó mang lại cho chúng ta:

- And the small **seed of anger** against him knotted itself inside her into a hard little core of resentment (BNC).

- After this, depression sets in and deep **seated anger can take root** (BNC).

- Divorce is too often the **bitter fruit** of anger. (Internet, <http://www.heraldextra.com/content/view/239574/1/>).

- Anger is **rooted** in our survival instincts and has a legitimate and vital function in human behavior (http://www.angermgmt.com/book_anger.asp).

- The feeling of rejection had quickly **blossomed** into anger. (<http://www.freewebs.com/wolfsbride/dbz/ten.html>).

3.5. Ẩn dụ cấu trúc: SỰ GIẬN DỮ LÀ LỬA

Trong kinh Vệ đà, có rất nhiều bài ca ngợi thần Lửa. Lửa hiện thân trong tâm hồn và tín ngưỡng của văn hóa phương Đông. Trong suy nghĩ của người Phương Đông, lửa là biểu tượng của sự hiểu biết, soi sáng đồng thời cũng đốt cháy và thiêu hủy tất cả. Do đó, lửa là biểu tượng của sự hấp thu và hủy diệt trong thuyết giáo Hindu. Vừa mạnh

mẽ, vừa hiền dịu, lửa là cầu nối giữa con người với thế giới xung quanh và các thế giới khác. Do đó chúng ta có văn hóa hỏa táng, thiêu đốt lễ vật, hiến tế, đốt lửa trừ tà, lễ hội nhảy lửa cầu may, cầu thịnh vượng ở khắp các dân tộc, vùng miền ở các miền đất phương Đông...

Lửa là một trong năm yếu tố tạo nên ngũ hành. Do đó, Lửa cũng mang những ý nghĩa đại chúng toàn cầu ở nhiều vùng miền, lục địa hay văn hóa khác nhau. Với bản năng nóng, hủy diệt và chuyển hóa của mình, Lửa mang những nét tương đồng với phạm trù CẢM XÚC mà ở đây là SỰ GIẬN DỮ.

- If anyone criticizes his proposals, Joe immediately gets **hot under the collar**.

(<https://chainstoreage.com/store-spaces/survey-nearly-all-consumers-frustrated-when-shopping-in-store>)

- Third, people should get **hot under the collar** when presented with dreary architecture (NBC).

- There's no need to get so **hot under the collar** (NBC).

- I did a **slow burn while** I was getting my money back (NBC).

- I'm pregnant, but my mum really **flares up**, she goes crazy (NBC).

- Unfortunately, despite the intentions of its authors, I fear that their focus on attacking the currently dominant faith organisations will generate more **heat than light**.

(<https://www.theguardian.com/commentisfree/2006/nov/28/moreheatthanlightfromthe>)

3.6. Ẩn dụ cấu trúc: SỰ GIẬN DỮ LÀ THỂ LỰC TỰ NHIÊN

Tương tự như cấu trúc ẩn dụ SỰ GIẬN DỮ LÀ LỬA, các điều kiện thiên nhiên và thời tiết cùng với những ảnh hưởng của nó đến con người và điều kiện xung quanh cũng là cơ sở cho việc phóng chiếu cấu trúc ẩn dụ với miền nguồn là THỂ LỰC TỰ NHIÊN và miền đích là SỰ GIẬN DỮ. Con giận được ví như cơn bão và sử dụng các động từ “quét qua”, “tràn qua” “bùng phát”...

- There's a **storm brewing** about player welfare in rugby. (<https://www.theguardian.com/sport/2016/may/07/racing-92-dan-carter-example-saracens-battle>)

- **Futile rage** helps nobody.

(<https://www.economist.com/democracy-in-america/2013/05/29/pity-the-poor-lightbulbs>)

- He **stormed out** the moment Man Utd won on penalties. (<https://www.independent.co.uk/news/people/pandora/pandora-dave-and-condi-s-sleepover-832855.html>)

- She **stormed out**, leaving her computer, wallet and bag behind.

(<https://www.nytimes.com/2001/02/21/business/management-discarded-dreams-dot-com-rejects-growing-indignation-results-recent.html>)

3.7. Ẩn dụ cấu trúc: SỰ GIẬN DỮ LÀ HÀNH ĐỘNG TÁC ĐỘNG VÀO CƠ THỂ NGƯỜI

Từ lí thuyết nghiệm thân có thể thấy, tư duy ngôn ngữ của con người thường gắn liền với cơ thể người. Cảm xúc con người được xuất phát từ bên trong, gắn liền với các vận

hành và thay đổi vật lí của các cơ quan bộ phận bên trong con người khi có sự thay đổi về cảm xúc. Từ những đặc trưng vật lí đó, ngôn ngữ đã được vận dụng để diễn đạt những ý niệm trừu tượng bằng ngôn ngữ khoa học và cụ thể. Đó là sự ý niệm hóa phạm trù SỰ GIẬN DỮ vào phạm trù cụ thể là HÀNH ĐỘNG TÁC ĐỘNG LÊN CƠ THỂ NGƯỜI.

Về mặt biểu hiện vật lý thông thường, khi con người giận dữ, họ thường có những hành động gắn liền với cơ thể như quết mắt, mím môi, đá chân, nhai móng....

- Just don't get your knickers in a twist if you don't agree with it.

(<https://www.independent.co.uk/voices/comment/listless-abandon-defence-our-obsession-end-year-list-8986736.html>)

- However even he may not have been anticipating the manner in which this production would **make hackles rise**. (<https://www.theguardian.com/leeds/2011/apr/21/tis-pity-shes-a-whore-west-yorkshire-playhouse>)

- They have renounced their intellectual property rights to join a community where, in a sense, when everyone kicks off their shoes, **stepping on someone's toes** is not an issue.

(<https://www.nytimes.com/2007/05/14/technology/14adblock.html>)

- So I just can't even with you right now, O.K.? It's Monday, I'm tired, and if I don't get another can of Pamplemousse in me soon I'm liable to **bite someone's head off**.

(<https://www.newyorker.com/humor/daily-shouts/dont-even-think-about-talking-to-me-until-ive-had-my-second-la-croix>)

- I **chew nails** over bills, though not so much any more, and worry about providing for my family.to clench one's fists.

(<https://www.theguardian.com/commentisfree/2016/jun/06/living-with-debt-leisure-vaction-alternatives>)

- I know." I suppose you're planning to make me **foam at the mouth** and gabble in obsolete tongues." (BNC)

- Right! He could **wring her neck** for this! She had no right to tell tales to his mother! (<https://www.collinsdictionary.com>)

4. Kết luận và đề xuất

4.1. Kết luận

Ngôn ngữ học tri nhận với quan điểm nhìn nhận sự tư duy và tri nhận của con người trong tiến trình xây dựng và sử dụng ngôn ngữ. Tri nhận là kiến thức hoặc sự hiểu biết mà con người nhìn nhận về thế giới khách quan thông qua các hoạt động cảm giác, tri giác, biểu tượng, ý niệm hóa,

qua đó nhận thức một cách sống động về thế giới. Nghiên cứu tri nhận bao gồm tất cả các quá trình tinh thần, nhờ đó mà một sinh vật hiểu biết về đối tượng của tư duy. Mỗi quan hệ giữa tri nhận và ngôn ngữ được thể hiện qua quá trình ngôn ngữ (language processing). Quá trình ngôn ngữ là các hoạt động tâm trí bao gồm trong việc sản sinh và lĩnh hội ngôn ngữ. Để sản sinh hay lĩnh hội ngôn ngữ, có rất nhiều hoạt động phức tạp diễn ra trong bộ óc của chúng ta. Đó chính là quá trình ngôn ngữ.

Trong quá trình ngôn ngữ theo đường hướng tri nhận, sự ý niệm hóa là chìa khóa quan trọng cần được nhìn nhận và nghiên cứu. Cần phải nghiên cứu tất cả các phương diện của cấu trúc ý niệm như cấu trúc của các phạm trù, tổ chức của các tri thức, và đặc biệt là vai trò chủ đạo của các biến tố và các kết cấu ngữ pháp trong việc cấu trúc kinh nghiệm theo những cách riêng biệt; cũng như quá trình ý niệm hóa ở các hiện tượng ngữ nghĩa từ vựng như đa nghĩa và ẩn dụ và một số quan hệ từ vựng ngữ nghĩa khác.

Phải nhìn nhận rằng, trung gian của ngôn ngữ là những ý niệm của nhân loại được kích thích tạo ra bởi những trải nghiệm của con người. Vì vậy năng lực ngôn ngữ không độc lập với năng lực tri nhận và hệ thống hình thức tự trị của tri thức mà là một phần của cơ chế tri nhận. Nghiên cứu về sự tri nhận của người Việt và người Anh với cái nhìn ẩn dụ về sự giận dữ đã thu được một số kết quả cần nhìn nhận. Từ các kết quả nghiên cứu, đã thống kê và đánh giá được các ý niệm tương đồng trong tư duy của 2 dân tộc về sự giận dữ. Tuy nhiên, vẫn tồn tại sự khác nhau trong cách tư duy là do điều kiện khí hậu, thời tiết, hoàn cảnh sống và văn hóa có ảnh hưởng đến cách nghĩ và quá trình tư duy ngôn ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đức Tồn, “Đặc trưng tư duy của người Việt qua ẩn dụ tri nhận trong thành ngữ”, *Ngôn ngữ*, 12, 2008, 6, 20-26.
- [2] Aristotle, and Eugene Garver, “*Poetics and Rhetoric*”, New York: Barnes and Noble Classics, 2005.
- [3] Lakoff, G., & Johnson, M, *Metaphors We Live By*, Chicago: University of Chicago Press, 1980.
- [4] Lakoff, G., & Johnson, M, *Philosophy in the Flesh – The Embodied Mind and its Challenge to Western Thought*, New York: Basic Books, 1999.
- [5] Lakoff, G, *Women, Fire, and Dangerous Things: What Categories Reveal about the Mind*, Chicago: The University of Chicago Press, 1987.
- [6] Trần Văn Cơ, *Ngôn ngữ học tri nhận ghi chép và suy nghĩ*. Nxb Khoa học xã hội, 2007.
- [7] Ortony ed, *Metaphor and Thought 2nd edition*. Cambridge University Press, 1993.
- [8] Tô Hữu, *Thơ Tố Hữu*. Nhà xuất bản văn học, 2016 tái bản.